

Bài báo nghiên cứu

ĐỀ XUẤT KHUNG NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Mai Xuân Tấn^{1*}, Nguyễn Thanh Nga², Lê Thanh Huy¹, Tạ Thanh Trung²

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Mai Xuân Tấn – Email: maixuantan5294@gmail.com

Ngày nhận bài: 25-3-2023; ngày nhận bài sửa: 04-5-2023; ngày duyệt đăng: 04-6-2023

TÓM TẮT

Bồi dưỡng năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở là mục tiêu quan trọng trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trên cơ sở phân tích một số lý thuyết cơ bản trong giáo dục hướng nghiệp, cấu trúc của năng lực nói chung và năng lực định hướng nghề nghiệp nói riêng trong một số công trình nghiên cứu, đặc điểm tâm lý của học sinh trung học cơ sở cũng như yêu cầu cần đạt về năng lực định hướng nghề nghiệp trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nghiên cứu này đã đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở gồm 3 hợp phần (Nhận thức bản thân và các yếu tố ảnh hưởng đến bản thân trong định hướng nghề nghiệp; Khám phá thế giới nghề; Ra quyết định và thực hiện kế hoạch định hướng nghề nghiệp), mỗi hợp phần gồm 2 thành tố và mỗi thành tố chứa một số biểu hiện hành vi, tổng cộng có 6 thành tố và 30 biểu hiện hành vi. Kết quả nghiên cứu là cơ sở tham khảo để xây dựng các công cụ đánh giá cũng như đề xuất các biện pháp bồi dưỡng năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở, đảm bảo việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở có hiệu quả.

Từ khóa: giáo dục hướng nghiệp; khám phá nghề nghiệp; năng lực định hướng nghề nghiệp; phân luồng học sinh

1. Giới thiệu

Định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân là việc làm vô cùng quan trọng đối với học sinh (HS). Trong thời đại công nghệ số, hệ thống ngành nghề rất đa dạng và có sự biến đổi liên tục, do đó việc định hướng lựa chọn nghề nghiệp của HS càng trở nên khó khăn hơn. Thực tế hiện nay cho thấy rất nhiều sinh viên nhận ra bản thân không phù hợp với chính ngành học mà mình đang theo học, nhiều sinh viên ra trường không tìm được việc làm, phải chấp nhận làm những việc trái với ngành học của mình (Dung, 2022). Điều đó không chỉ gây lãng phí công sức, thời gian và tiền bạc của cá nhân mà còn gián tiếp tạo ra nguồn nhân lực kém chất lượng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế – xã

Cite this article as: Mai Xuan Tan, Nguyen Thanh Nga, Le Thanh Huy, & Ta Thanh Trung (2023). A proposed framework of career-oriented competences for lower secondary school students. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(10), 1732-1745.

hội của đất nước. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, một trong số đó là vì chất lượng giáo dục hướng nghiệp (GDHN) ở trường phổ thông còn nhiều hạn chế (Vu, 2018).

Trong Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018, GDHN được quy định là nội dung giáo dục bắt buộc nhằm hình thành phẩm chất và năng lực định hướng nghề nghiệp (NL ĐHNN) cho HS, giúp HS lựa chọn nghề phù hợp với sở thích, khả năng, tính cách, quan niệm về giá trị của bản thân, phù hợp với hoàn cảnh gia đình và nhu cầu của xã hội. GDHN được thực hiện thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, thực hiện thường xuyên, liên tục, tập trung vào các năm cuối của giai đoạn giáo dục cơ bản và toàn bộ thời gian của giai đoạn giáo dục ĐHNN (Ministry of Education and Training, 2018a). Mục tiêu của GDHN trong Chương trình GDPT 2018 là hình thành NL ĐHNN cho HS ngay từ bậc trung học cơ sở (THCS) nhằm giúp HS lựa chọn được hướng học tập, chọn nghề phù hợp sau khi tốt nghiệp THCS, đảm bảo phân luồng HS sau THCS có hiệu quả (Prime Minister, 2018). Vì vậy, việc xây dựng khung NL ĐHNN của HS THCS là thực sự cần thiết.

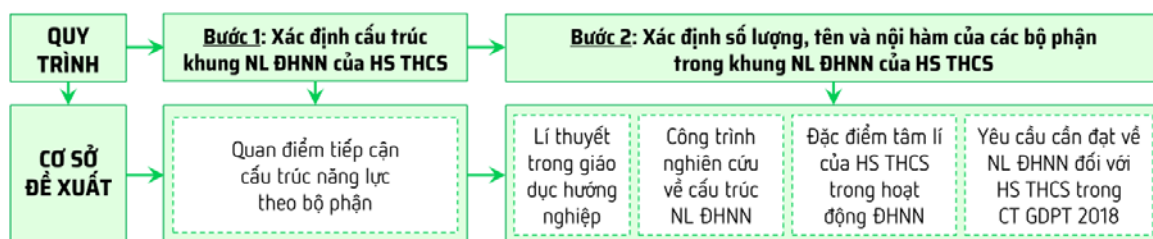
Trên thế giới và tại Việt Nam đã có một số nghiên cứu của Geistfeld và Drier (1992), Thomsen (2014), Le (2019), Pham và Nguyen (2023) đề xuất khung NL ĐHNN của HS trung học nói chung và HS trung học phổ thông (THPT) nói riêng. Trong bối cảnh giáo dục Việt Nam hiện nay chúng tôi chưa tìm thấy nghiên cứu nào tập trung xây dựng khung NL ĐHNN của HS THCS. Trong nghiên cứu này, dựa trên việc phân tích các cơ sở khoa học, chúng tôi đề xuất khung NL ĐHNN của HS THCS tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu là cơ sở tham khảo để các nhà giáo dục xây dựng công cụ đánh giá cũng như đề xuất các biện pháp bồi dưỡng NL ĐHNN cho HS THCS.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy trình đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở

Từ thực tiễn đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển NL ở Việt Nam hiện nay, hướng nghiên cứu đề xuất khung NL đã được nhiều tác giả quan tâm. Qua phân tích một số công trình nghiên cứu, để đảm bảo độ giá trị khi đề xuất một khung NL cụ thể, đầu tiên cần dựa trên các quan điểm tiếp cận cấu trúc NL để xác định cấu trúc của NL cần đề xuất, sau đó căn cứ vào các cơ sở khoa học có liên quan để xác định những biểu hiện cụ thể của các thành phần có trong khung NL (Le, 2023; Nguyen et al., 2022; Nguyen, 2021).

Trong nghiên cứu này, đầu tiên chúng tôi dựa trên quan điểm tiếp cận cấu trúc NL theo bộ phận để xác định cấu trúc khung NL ĐHNN của HS THCS, sau đó căn cứ vào một số lý thuyết trong GDHN, các công trình nghiên cứu về cấu trúc NL ĐHNN, đặc điểm tâm lý của HS THCS và yêu cầu cần đạt về NL ĐHNN trong Chương trình GDPT 2018 để xác định số lượng, tên và nội hàm của các bộ phận trong khung NL ĐHNN của HS THCS (Hình 1).



Hình 1. Quy trình đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở

2.2. Cơ sở xác định cấu trúc khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở

Khi đề cập đến cấu trúc NL, có hai cách tiếp cận phổ biến: *Tiếp cận cấu trúc NL theo nguồn lực hợp thành*, theo đó, NL là sự tổng hợp của tri thức, kỹ năng, thái độ với sự thể hiện của chúng trong hoạt động là NL hiểu, NL làm, NL ứng xử. Ba yếu tố trên có quan hệ biện chứng với nhau, hỗ trợ và bổ sung cho nhau trong các hoàn cảnh và hành động cụ thể. *Tiếp cận cấu trúc NL theo bộ phận*, theo đó, cấu trúc NL gồm các bộ phận chính: hợp phần, thành tố và hành vi. Các hợp phần, thành tố là các mặt, các khía cạnh, các thành phần có tính độc lập tương đối với nhau, bao hàm cả các kiến thức, kỹ năng, thái độ về nội dung của NL. Hành vi chính là kết quả đầu ra mong đợi, chúng được diễn đạt sao cho có thể quan sát được, làm bằng chứng cho việc đạt được các thành tố NL của HS. Hành vi thường là những hành động thể hiện được như viết ra (để đọc được), nói ra (để nghe được), làm (để quan sát được), tạo ra (sản phẩm vật chất để đánh giá được) (Hoang, 2015; Nguyen, 2016).

Cách tiếp cận cấu trúc NL theo bộ phận có nhiều ưu điểm nổi bật, việc tách NL thành các hợp phần, thành tố và cụ thể hóa bằng các hành vi có thể quan sát được sẽ giúp người dạy dễ dàng theo dõi, đánh giá các mức độ đạt được NL của người học một cách tường minh và chính xác hơn, từ đó đưa ra những biện pháp cụ thể giúp người học phát triển NL ở mức cao hơn. Dựa trên quan điểm tiếp cận này, chúng tôi xác định cấu trúc khung NL ĐHNN của HS THCS sẽ gồm 3 bộ phận: (1) hợp phần, (2) thành tố, (3) biểu hiện hành vi.

2.3. Cơ sở xác định các bộ phận trong khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở

2.3.1. Một số lý thuyết trong giáo dục hướng nghiệp

a. Lý thuyết cây nghề nghiệp

Lý thuyết cây nghề nghiệp chỉ ra rằng: Sự phát triển nghề nghiệp của mỗi người cũng giống như sự phát triển của từng cái cây. “Cây nghề nghiệp” gồm phần “rễ” (các yếu tố: sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp) và phần “quả” (sự thành công trong nghề: công việc ổn định, lương cao, môi trường làm việc tốt, được nhiều người tôn trọng...) (Phoenix, 2011). Rễ có khỏe thì cây mới ra hoa, kết trái như mong muốn của người trồng cây. Do đó, để chọn được nghề phù hợp và đạt được thành công trong nghề, trước hết mỗi người cần hiểu rõ sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân và phải dựa vào chính những hiểu biết ấy để lựa chọn nghề nghiệp.

b. Lí thuyết hệ thống (Systems Theory Framework – STF)

Lí thuyết STF cho rằng: Mỗi người không sống riêng lẻ một mình mà là một “hệ thống” nhỏ đang sống trong một “hệ thống” lớn hơn (xã hội, môi trường). Sự phát triển nghề nghiệp của mỗi người là một quá trình và là kết quả của sự tương tác giữa các yếu tố chủ quan bên trong (sở thích, năng lực, tính cách, giá trị nghề nghiệp, sức khỏe, giới tính, sự hiểu biết về nghề...) với những yếu tố khách quan bên ngoài (gia đình, bạn bè, vị trí địa lý, nhu cầu tuyển dụng...). Sự tác động của từng yếu tố chủ quan và khách quan đối với quyết định nghề nghiệp của mỗi người không giống nhau vì nó còn tùy thuộc vào từng thời điểm, vào nhận thức, điều kiện, khả năng và phản ứng của mỗi người trước từng yếu tố (Patton & McMahon, 2006).

Lí thuyết STF cho thấy việc chọn nghề không chỉ phụ thuộc vào các yếu tố chủ quan bên trong mỗi người mà còn chịu tác động mạnh mẽ bởi các yếu tố khách quan bên ngoài. Do đó, trong quá trình ĐHNN, cùng với việc nhận thức rõ bản thân, HS cũng cần tìm hiểu và nhận thức rõ các yếu tố khách quan có ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định nghề nghiệp của mình. Trên cơ sở đó, HS tìm cách dung hòa giữa các yếu tố chủ quan lẫn khách quan nhằm đưa ra quyết định nghề nghiệp phù hợp.

c. Lí thuyết nhận thức xã hội nghề nghiệp (Social Cognitive Career Theory – SCCT)

Lí thuyết SCCT nhấn mạnh xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của HS dựa trên những trải nghiệm học tập của các em. Dựa trên đặc điểm cá nhân (giới tính, chủng tộc, tư tưởng...) và bối cảnh xã hội (địa điểm, hoàn cảnh gia đình, điều kiện kinh tế...), thông qua các trải nghiệm học tập, HS hình thành sự tự tin và những quan niệm về năng lực của bản thân cũng như những kì vọng về kết quả mà bản thân có thể đạt được, từ đó tác động đến hứng thú, mục tiêu và hành động của HS, dẫn đến sự lựa chọn nghề nghiệp tương lai (Lent, Brown, & Hackett, 1994). Thông qua các trải nghiệm học tập, đặc biệt là trải nghiệm liên quan đến các ngành nghề sẽ giúp HS có cơ hội khám phá thế giới nghề, từ đó tạo ra sự hiểu biết và hứng thú nghề nghiệp cho HS ngay trong quá trình học tập ở trường phổ thông, đó là tiền đề giúp HS lựa chọn được nghề phù hợp với bản thân trong tương lai.

d. Mô hình lập kế hoạch nghề

Mô hình lập kế hoạch nghề gồm bảy bước, chia làm hai phần: ba bước tìm hiểu và bốn bước hành động. Ba bước tìm hiểu gồm: (1) Tìm hiểu đặc điểm bản thân (sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp); (2) Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến bản thân trong ĐHNN (hoàn cảnh gia đình, xu hướng nghề nghiệp của xã hội...); (3) Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp để biết được những nghề hiện có trong xã hội và thông tin cơ bản về nghề. Bốn bước hành động gồm: (4) Xác định mục tiêu nghề nghiệp; (5) Ra quyết định nghề nghiệp; (6) Thực hiện quyết định nghề nghiệp; (7) Đánh giá xem quyết định ấy có thực sự phù hợp với bản thân hay không. Tất cả bảy bước trên có thể thực hiện theo bất cứ trình tự nào và có thể lặp đi lặp lại nhiều lần trong quá trình ĐHNN, miễn sao phù hợp với nhu cầu và khả năng của mỗi người (McCowan et al., 2017).

Mô hình lập kế hoạch nghề chỉ ra các bước đi cũng như những công việc cụ thể HS cần phải làm trong quá trình ĐHNN. Hiểu rõ và thực hiện các bước ấy một cách hiệu quả sẽ tạo cơ sở vững chắc giúp HS đạt được mục tiêu nghề nghiệp.

2.3.2. Một số nghiên cứu về cấu trúc năng lực định hướng nghề nghiệp

Geistfeld và Drier (1992) đề xuất NL ĐHNN gồm 4 yếu tố: (1) Tự nhận thức; (2) Nhận thức về giáo dục; (3) Nhận thức về nghề nghiệp; (4) Nhận thức về xu thế xã hội. Các yếu tố này sẽ giúp mỗi người đưa ra quyết định chọn nghề phù hợp và đây là một quá trình diễn ra liên tục, có trình tự. Theo Hướng dẫn GDHN cho các trường phổ thông New Zealand, NL ĐHNN gồm 3 thành phần: (1) Phát triển nhận thức về bản thân (Hiểu rõ bản thân và các yếu tố ảnh hưởng đến bản thân); (2) Khám phá cơ hội (Tìm hiểu các cơ hội trong học tập và công việc, liên hệ chúng với chính mình); (3) Quyết định và hành động (Lập và điều chỉnh kế hoạch ĐHNN phù hợp với bản thân, hành động theo kế hoạch) (Ministry of Education, 2009). Theo Hướng dẫn phát triển nghề nghiệp quốc gia đối với HS trung học của Mỹ, NL ĐHNN gồm 3 thành tố: (1) Tự nhận thức (Xác định được sở thích, khả năng, kỹ năng của bản thân; Có kỹ năng giao tiếp tích cực); (2) Khám phá nghề nghiệp (Xác định được mối quan hệ giữa thành tích học tập và kế hoạch nghề nghiệp; Yêu thích và có kết quả học tập tốt ở các môn học có liên quan đến nghề nghiệp theo mục tiêu cá nhân); (3) Lập kế hoạch hướng nghiệp (Có kỹ năng ra quyết định; Có kỹ năng lập kế hoạch hướng nghiệp) (Education Department, New York State, 2016).

Tại Việt Nam, theo Tổ chức Hợp tác Phát triển và Hỗ trợ Kỹ thuật vùng Flămăng – Vương quốc Bỉ (VVOB Vietnam, 2013), HS trung học cần có 3 nhóm NL hướng nghiệp: (1) Nhận thức bản thân; (2) Nhận thức nghề nghiệp; (3) Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp. Le (2019) đề xuất NL ĐHNN của HS THPT gồm 5 thành phần: (1) Nhận thức bản thân trong ĐHNN; (2) Nhận thức đặc điểm nghề và nhu cầu thị trường nghề; (3) Lập kế hoạch ĐHNN; (4) Giải quyết vấn đề liên quan đến ĐHNN; (5) Ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp. Pham và Nguyen (2023) cho rằng NL ĐHNN của HS THPT gồm 3 thành tố: (1) Nhận thức về sở thích, hứng thú của bản thân; (2) Nhận thức về mối quan hệ giữa kiến thức môn học và nghề nghiệp liên quan; (3) Lập kế hoạch hướng nghiệp.

2.3.3. Đặc điểm tâm lý của học sinh trung học cơ sở trong hoạt động định hướng nghề

Học sinh THCS là thuật ngữ chỉ nhóm HS từ 11-15 tuổi (lớp 6 đến lớp 9). Tâm lý học gọi đây là lứa tuổi thiếu niên, là giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ em sang người lớn và có những biến đổi to lớn về tâm sinh lý (Le & Le, 2001). Nếu ở lứa tuổi tiểu học, các em ước mơ về nghề nghiệp dựa trên những hình mẫu bắt gặp trên internet hay trong cuộc sống nhưng thiếu tính thực tế thì đến lứa tuổi này, HS bắt đầu suy nghĩ về nghề nghiệp một cách thực tế hơn, có cân nhắc đến sở thích, khả năng của bản thân và hoàn cảnh gia đình. Một bộ phận HS đã có những suy nghĩ nghiêm túc trong ĐHNN, biểu hiện qua việc các em đã chú ý thu thập thông tin của những nghề khác nhau; trao đổi với bạn bè, người thân về những hướng đi sau

THCS và những nghề các em quan tâm; đánh giá mức độ phù hợp của các nghề đó với nhu cầu, khả năng của bản thân, hoàn cảnh gia đình (Duong et al., 2021).

Nhìn chung HS THCS đã bắt đầu quan tâm đến các yếu tố như sở thích, khả năng, tính cách của bản thân, hoàn cảnh gia đình và nhu cầu của xã hội khi lựa chọn nghề nghiệp, có sự cân nhắc khi dự định lựa chọn một nghề nào đó.

2.3.4. Yêu cầu cần đạt về năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Trong Chương trình GDPT 2018, NL ĐHNN là một thành phần của NL tự chủ và tự học, gồm 3 yêu cầu cần đạt đối với HS THCS: (1) Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân; (2) Hiểu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội; (3) Nắm được một số thông tin chính về các ngành nghề ở địa phương, ngành nghề thuộc các lĩnh vực sản xuất chủ yếu; lựa chọn được hướng phát triển phù hợp sau THCS (MOET, 2018a). Ngoài ra, Chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cũng đưa ra 11 yêu cầu cần đạt về NL ĐHNN đối với HS THCS, thuộc 3 NL thành phần: (I) *Hiểu biết về nghề nghiệp*, gồm 5 yêu cầu cần đạt: (1) Giới thiệu được các nghề/nhóm nghề phổ biến ở địa phương và ở Việt Nam, chỉ ra được vai trò kinh tế – xã hội của các nghề đó; (2) Phân tích được yêu cầu về phẩm chất, NL của người làm nghề mà bản thân quan tâm; (3) Trình bày được xu thế phát triển của nghề ở Việt Nam; (4) Giới thiệu được các nhóm kiến thức cần học và các cơ sở đào tạo nghề liên quan đến ĐHNN; (5) Chỉ ra được các công cụ của các ngành nghề, những nguy cơ mất an toàn có thể xảy ra và cách đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp; (II) *Hiểu biết và rèn luyện phẩm chất, NL liên quan đến nghề nghiệp*, gồm 4 yêu cầu cần đạt: (6) Hình thành được hứng thú nghề nghiệp và biết cách nuôi dưỡng hứng thú, đam mê nghề nghiệp; (7) Chỉ ra được một số điểm mạnh và chưa mạnh về phẩm chất và NL của bản thân có liên quan đến nghề yêu thích; (8) Rèn luyện được một số phẩm chất và NL cơ bản của người lao động; (9) Biết giữ an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; (III) *Kỹ năng ra quyết định và lập kế hoạch học tập theo ĐHNN*, gồm 2 yêu cầu cần đạt: (10) Lựa chọn được hướng đi phù hợp cho bản thân khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản; (11) Lập được kế hoạch học tập và rèn luyện phù hợp với hướng đi đã chọn (MOET, 2018b).

Qua phân tích quan điểm tiếp cận NL ĐHNN trong các cơ sở đã đề cập, chúng tôi nhận thấy các quan điểm ấy đều xoay quanh 3 khía cạnh chính: *Nhận thức bản thân và các yếu tố ảnh hưởng đến bản thân trong ĐHNN; Khám phá thế giới nghề; Ra quyết định và thực hiện kế hoạch ĐHNN.*

2.4. Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở

Trong nghiên cứu này, NL ĐHNN được hiểu là khả năng lựa chọn được hướng học tập hoặc nghề nghiệp phù hợp với các yếu tố như đặc điểm của bản thân (sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp...), hoàn cảnh gia đình và nhu cầu nghề nghiệp của xã hội dựa trên những hiểu biết về thế giới nghề nghiệp, đồng thời có kế hoạch hoàn thiện bản thân để đáp ứng yêu cầu của ĐHNN.

Quan điểm tiếp cận khái niệm NL ĐHNN trên cho thấy NL này được cấu thành từ 3 hợp phần tương ứng với 3 khía cạnh đã được chúng tôi đề cập ở phần trước, đó là:

(A) *Nhận thức bản thân và các yếu tố ảnh hưởng đến bản thân trong ĐHNN*. Nhận thức bản thân là HS phải xác định được sở thích, khả năng, tính cách của bản thân cũng như giá trị nghề nghiệp bản thân mong muốn, đó là các yếu tố chủ quan bên trong mỗi HS. Các yếu tố khách quan bên ngoài có ảnh hưởng trực tiếp, mang tính quyết định đến việc chọn nghề của HS chính là hoàn cảnh gia đình và xu hướng nghề nghiệp của xã hội.

(B) *Khám phá thế giới nghề*. Để khám phá thế giới nghề, HS cần có những trải nghiệm liên quan đến nhiều ngành nghề khác nhau, qua đó HS có cơ hội tìm hiểu thông tin về nghề (đặc điểm lao động, yêu cầu đối với người lao động, ngành đào tạo và cơ sở đào tạo, nhu cầu tuyển dụng lao động...), tham gia giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến nghề, nhờ vậy HS có được sự hiểu biết sâu sắc và toàn diện hơn về nghề, là cơ sở để đưa ra quyết định lựa chọn nghề phù hợp.

(C) *Ra quyết định và thực hiện kế hoạch ĐHNN*. Khi đã hiểu rõ bản thân và các yếu tố ảnh hưởng cũng như có hiểu biết sâu sắc về thế giới nghề nghiệp, HS đưa ra các nhận định, đánh giá và lựa chọn nghề phù hợp với bản thân. Với nghề dự định đã chọn, HS tìm hiểu và lựa chọn hướng đi sau THCS phù hợp, từ đó xây dựng và thực hiện kế hoạch ĐHNN nhằm đạt được mục tiêu nghề nghiệp của bản thân.

Trên cơ sở làm rõ nội hàm khái niệm NL ĐHNN cùng với những nội dung đã phân tích, chúng tôi đề xuất khung NL ĐHNN của HS THCS gồm 3 hợp phần, 6 thành tố với 30 biểu hiện hành vi (Bảng 1).

Bảng 1. Khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở

Hợp phần	Thành tố	Biểu hiện hành vi
A. Nhận thức bản thân và các yếu tố ảnh hưởng đến bản thân trong ĐHNN	A.1. Nhận thức bản thân trong ĐHNN	A.1.1. Xác định sở thích của bản thân liên quan đến nghề A.1.2. Xác định khả năng của bản thân liên quan đến nghề A.1.3. Xác định tính cách của bản thân liên quan đến nghề A.1.4. Xác định giá trị nghề nghiệp bản thân mong muốn
	A.2. Nhận thức các yếu tố ảnh hưởng đến bản thân trong ĐHNN	A.2.1. Xác định hoàn cảnh gia đình trong ĐHNN A.2.2. Xác định xu hướng nghề nghiệp tương lai
B. Khám phá thế giới nghề	B.1. Tìm hiểu thông tin nghề	B.1.1. Xác định tên nghề B.1.2. Xác định đặc điểm lao động của nghề B.1.3. Xác định yêu cầu đối với người lao động của nghề B.1.4. Xác định ngành đào tạo và cơ sở đào tạo nghề B.1.5. Xác định triển vọng của nghề B.1.6. Xác định nhu cầu tuyển dụng lao động hiện tại và tương lai của nghề

		B.2.1. Thu thập thông tin về vấn đề ĐHNN
		B.2.2. Phân tích thông tin, phát hiện vấn đề ĐHNN cần giải quyết
		B.2.3. Phát biểu vấn đề ĐHNN cần giải quyết
		B.2.4. Tìm kiếm thông tin cần sử dụng để giải quyết vấn đề ĐHNN
B.2. Giải quyết vấn đề ĐHNN		B.2.5. Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề ĐHNN
		B.2.6. Đánh giá, lựa chọn giải pháp tối ưu
		B.2.7. Lập kế hoạch thực hiện giải pháp
		B.2.8. Thực hiện giải pháp
		B.2.9. Đánh giá, điều chỉnh hành động trong quá trình thực hiện giải pháp
		B.2.10. Thu thập thông tin về hiệu quả của giải pháp
		B.2.11. Điều chỉnh, cải tiến giải pháp
C. Ra quyết định và thực hiện kế hoạch ĐHNN	C.1. Ra quyết định ĐHNN	C.1.1. Đánh giá mức độ phù hợp của bản thân đối với nghề
		C.1.2. Lựa chọn nghề dự định sẽ làm trong tương lai
		C.1.3. Tìm hiểu các hướng đi sau THCS
		C.1.4. Lựa chọn hướng đi sau THCS phù hợp
	C.2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch ĐHNN	C.2.1. Xây dựng kế hoạch ĐHNN
		C.2.2. Thực hiện kế hoạch ĐHNN
		C.2.3. Đánh giá, điều chỉnh kế hoạch ĐHNN

Nội hàm của các hành vi trong khung NL ĐHNN của HS THCS được mô tả chi tiết ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả chi tiết các hành vi trong khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở

Hành vi	Mô tả
A.1.1. Xác định sở thích của bản thân liên quan đến nghề	Nêu được những việc làm/hoạt động trong học tập/cuộc sống bản thân yêu thích, liên hệ với thế giới nghề kể tên những nghề bản thân thích làm
A.1.2. Xác định khả năng của bản thân liên quan đến nghề	Nêu được những việc làm/hoạt động trong học tập/cuộc sống bản thân có thể thực hiện dễ dàng và mang lại kết quả tốt, liên hệ với thế giới nghề kể tên những nghề bản thân có khả năng làm tốt
A.1.3. Xác định tính cách của bản thân liên quan đến nghề	Nêu được tính cách nổi bật của bản thân, liên hệ với thế giới nghề kể tên những nghề phù hợp tính cách bản thân
A.1.4. Xác định giá trị nghề nghiệp bản thân mong muốn	Nêu được những điều được cho là quan trọng nhất, có ý nghĩa nhất đối với bản thân khi tham gia lao động nghề

A.2.1. Xác định hoàn cảnh gia đình trong ĐHNN	<p>Trình bày được điều kiện kinh tế của gia đình ở hiện tại và dự báo trong tương lai</p> <p>Trình bày được truyền thống nghề nghiệp của gia đình và mong muốn của gia đình đối với nghề bản thân sẽ làm trong tương lai</p>
A.2.2. Xác định xu hướng nghề nghiệp tương lai	Kể tên những nghề được dự báo sẽ phát triển mạnh, có nhu cầu tuyển dụng lao động cao trong tương lai
B.1.1. Xác định tên nghề	<p>Kể tên những nghề phổ biến trong xã hội</p> <p>Trình bày được các đặc điểm lao động của nghề, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mục đích lao động: Tạo sản phẩm gì? Đáp ứng nhu cầu nào của con người? + Giá trị lao động: Có ý nghĩa, đóng góp gì cho sự phát triển kinh tế – xã hội? + Đối tượng lao động: Quá trình lao động tác động vào ai/cái gì?
B.1.2. Xác định đặc điểm lao động của nghề	<ul style="list-style-type: none"> + Nội dung lao động: Làm những công việc gì? Làm như thế nào để đạt được kết quả mong muốn? + Công cụ lao động: Sử dụng những dụng cụ, phương tiện kĩ thuật nào trong quá trình lao động? + Điều kiện lao động: Môi trường làm việc như thế nào? Thời gian và không gian làm việc ra sao? + An toàn lao động: Nguy hiểm nào có thể xảy ra trong quá trình lao động? Cách đảm bảo an toàn lao động?
B.1.3. Xác định yêu cầu đối với người lao động của nghề	Trình bày được các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, bằng cấp, độ tuổi, sức khỏe, đặc điểm tâm sinh lí đối với người lao động của nghề
B.1.4. Xác định ngành đào tạo và cơ sở đào tạo nghề	Nêu được tên ngành đào tạo và thông tin về các cơ sở đào tạo nghề (Tên, vị trí địa lí, mức độ uy tín, cơ sở vật chất, trình độ đào tạo, chương trình đào tạo, học phí, chế độ học bổng, hình thức và chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện trúng tuyển)
B.1.5. Xác định triển vọng của nghề	Trình bày được những nơi có thể làm việc sau khi học nghề, con đường phát triển sự nghiệp và mức thu nhập tương ứng
B.1.6. Xác định nhu cầu tuyển dụng lao động hiện tại và tương lai của nghề	Trình bày được nhu cầu tuyển dụng lao động hiện tại của nghề và những thay đổi có thể xảy ra trong tương lai
B.2.1. Thu thập thông tin về vấn đề ĐHNN	Đóng vai là người lao động trong nghề, xác định đối tượng khách hàng của nghề và thu thập thông tin về vấn đề họ đang gặp phải/nhu cầu họ đang mong muốn
B.2.2. Phân tích thông tin, phát hiện vấn đề ĐHNN cần giải quyết	Phân tích thông tin thu thập được, phát hiện điểm mấu chốt/cốt lõi của vấn đề mà đối tượng khách hàng đang gặp phải/nhu cầu họ đang mong muốn
B.2.3. Phát biểu vấn đề ĐHNN cần giải quyết	Từ điểm mấu chốt/cốt lõi của vấn đề đã phát hiện, phát biểu vấn đề đối tượng khách hàng đang gặp phải/nhu cầu họ đang mong muốn

B.2.4. Tìm kiếm thông tin cần sử dụng để giải quyết vấn đề ĐHNN	Tìm kiếm, lựa chọn nguồn thông tin về kiến thức và/hay phương pháp cần sử dụng để giải quyết vấn đề đối tượng khách hàng đang gặp phải/nhu cầu họ đang mong muốn
B.2.5. Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề ĐHNN	Đề xuất các giải pháp có thể giải quyết vấn đề đối tượng khách hàng đang gặp phải/nhu cầu họ đang mong muốn
B.2.6. Đánh giá, lựa chọn giải pháp tối ưu	Đánh giá tính khả thi của các giải pháp đã đề xuất trên các phương diện: mức độ hiệu quả, chi phí, thời gian thực tiễn... so sánh và lựa chọn giải pháp tối ưu, phù hợp thực tiễn
B.2.7. Lập kế hoạch thực hiện giải pháp	Lập kế hoạch cụ thể để thực hiện giải pháp (nội dung công việc, thời gian thực hiện, người thực hiện, người phối hợp, kinh phí...)
B.2.8. Thực hiện giải pháp	Huy động các nguồn lực cần thiết để thực hiện giải pháp dựa trên kế hoạch đã lập
B.2.9. Đánh giá, điều chỉnh hành động trong quá trình thực hiện giải pháp	Đánh giá các bước trong quá trình thực hiện giải pháp, phát hiện sai sót, khó khăn, đưa ra những điều chỉnh và thực hiện việc điều chỉnh
B.2.10. Thu thập thông tin về hiệu quả của giải pháp	Chia sẻ nguyên mẫu sản phẩm/mô hình giải pháp đã tạo ra để đối tượng khách hàng thử nghiệm và thu thập thông tin phản hồi
B.2.11. Điều chỉnh, cải tiến giải pháp	Phân tích thông tin phản hồi, phát hiện những vấn đề còn tồn tại, đưa ra những điều chỉnh và thực hiện việc điều chỉnh, cải tiến nguyên mẫu sản phẩm/mô hình giải pháp
C.1.1. Đánh giá mức độ phù hợp của bản thân đối với nghề	<p>Đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với nghề qua các tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sở thích của bản thân đối với nghề + Khả năng, tính cách của bản thân so với yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với người lao động trong nghề + Sức khỏe, đặc điểm tâm sinh lí của bản thân so với yêu cầu về sức khỏe, đặc điểm tâm sinh lí đối với người lao động trong nghề + Con đường phát triển sự nghiệp và mức thu nhập của nghề so với mong muốn, nguyện vọng, giá trị nghề nghiệp của bản thân + Mong muốn của gia đình đối với nghề + Điều kiện kinh tế gia đình so với mức học phí của các cơ sở đào tạo nghề + Nhu cầu tuyển dụng lao động của nghề trong tương lai
C.1.2. Lựa chọn nghề dự định sẽ làm trong tương lai	Lựa chọn nghề dự định sẽ làm trong tương lai dựa vào mức độ phù hợp của bản thân với nghề

<p>C.1.3. Tìm hiểu các hướng đi sau THCS</p>	<p>Tìm hiểu và nêu những thông tin liên quan đến các hướng đi sau khi tốt nghiệp THCS: + Hướng thứ nhất: học văn hóa bậc THPT tại các trường THPT công lập/ngoài công lập + Hướng thứ hai: học văn hóa bậc THPT kết hợp học nghề trình độ trung cấp/cao đẳng tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên hay các trường trung cấp, cao đẳng + Hướng thứ ba: học nghề trình độ sơ cấp tại các trung tâm đào tạo dạy nghề hay các trường trung cấp, cao đẳng + Hướng thứ tư: nghỉ học, tham gia lao động sản xuất/ở nhà phụ giúp gia đình</p>
<p>C.1.4. Lựa chọn hướng đi sau THCS phù hợp</p>	<p>Phân tích thông tin tìm hiểu được về các hướng đi sau THCS, lựa chọn hướng đi phù hợp với ĐHNN của bản thân</p>
<p>C.2.1. Xây dựng kế hoạch ĐHNN</p>	<p>Xây dựng kế hoạch học tập và rèn luyện phù hợp với ĐHNN của bản thân: + Thông tin cá nhân: họ và tên, giới tính, ngày sinh, nơi ở, lớp, trường + Đặc điểm cá nhân: sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp + Hoàn cảnh gia đình: truyền thống nghề nghiệp và điều kiện kinh tế gia đình, mong muốn của gia đình về nghề mà bản thân sẽ làm trong tương lai + Nghề định lựa chọn, những hiểu biết về nghề đó, lí do chọn nghề đó + Hướng đi sau THCS định lựa chọn, những hiểu biết về hướng đi đó, lí do chọn hướng đi đó + Những công việc, hoạt động và những biện pháp bản thân cần thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu của hướng đi đã chọn</p>
<p>C.2.2. Thực hiện kế hoạch ĐHNN</p>	<p>Huy động các nguồn lực cần thiết để thực hiện kế hoạch ĐHNN</p>
<p>C.2.3. Đánh giá, điều chỉnh kế hoạch ĐHNN</p>	<p>Phát hiện những quyết định chưa phù hợp trong quá trình thực hiện kế hoạch ĐHNN, đưa ra điều chỉnh và thực hiện việc điều chỉnh</p>

3. Kết luận

Năng lực ĐHNN là một trong những NL quan trọng cần bồi dưỡng cho HS THCS nhằm giúp các em lựa chọn được hướng học tập, chọn nghề phù hợp với bản thân sau khi tốt nghiệp THCS. Qua phân tích một số lí thuyết trong GDHN, cấu trúc của NL nói chung và NL ĐHNN nói riêng trong một số công trình nghiên cứu, đặc điểm tâm lí của HS THCS và yêu cầu cần đạt về NL ĐHNN trong CT GDPT 2018, chúng tôi đã đề xuất khung NL ĐHNN của HS THCS gồm 3 hợp phần: (A) Nhận thức bản thân và các yếu tố ảnh hưởng đến bản thân trong ĐHNN; (B) Khám phá thế giới nghề; (C) Ra quyết định và thực hiện kế hoạch ĐHNN. Mỗi hợp phần gồm 2 thành tố và mỗi thành tố chứa một số biểu hiện hành vi, tổng cộng có 6 thành tố và 30 biểu hiện hành vi. Khung NL ĐHNN của HS THCS được đề xuất dựa trên tổng quan lí thuyết và khi áp dụng vào xây dựng các công cụ đánh giá thì sẽ cần được gắn với các bối cảnh/hoạt động học tập cụ thể của người học. Trong hướng nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ xây dựng và chuẩn hóa công cụ đánh giá NL ĐHNN của HS THCS đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, phù hợp với thực tiễn giáo dục Việt Nam.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Chương trình học bổng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong nước của Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (VINIF), mã số VINIF.2022.ThS.097.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dung, H. (2022). *Sinh viên ra trường làm trái ngành: Chông chênh hướng nghiệp* [Graduates work in the opposite field: Tottering Vocational Guidance]. <http://daidoanket.vn/sinh-vien-ra-truong-lam-trai-nganh-chong-chenh-huong-nghiep-5702461.html>
- Duong, G. T. H., Tran, T. T., Le, T. T. T., & Hoang, G. T. (2021). *Công cụ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở* [Vocational Guidance tool for junior high school students]. University of Education Publishing House.
- Education Department, New York State. (2016). *Learning Standards for Career Development and Occupational Studies at Three Levels*. <https://www.nysed.gov/sites/default/files/programs/career-technical-education/cdoslea.pdf>
- Geistfeld, L. V., & Drier, H. N. (1992). Career Orientation Planning Profile (COPP) pilot study: An assessment of benefits and outcomes. *Journal of Career Development, 19*(2), 125-135. <https://doi.org/10.1177/089484539201900206>
- Hoang, H. B. (2015). Năng lực và đánh giá theo năng lực [Competence and competence-based assessment]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science, 6*(71), 21-32. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.6\(71\).667\(2015\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.6(71).667(2015))
- Le, T. B. N. (2023). Nghiên cứu đề xuất cấu trúc năng lực thích ứng nghề của sinh viên ngành Giáo dục mầm non [Proposes the structure of occupational adaptability for students in Early Childhood Education]. *Vietnam Journal of Education, 23*(3), 54-59. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/644>
- Le, T. D. (2019). Thực trạng năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông [Career orientation capacity of high school students]. *Vietnam Journal of Educational Sciences, 15*(19), 36-41. http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/bai_so_7_so_19_2019.pdf
- Le, V. H., & Le, N. L. (2001). *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm* [Age Psychology and Pedagogical Psychology]. Vietnam Education Publishing House.
- Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (1994). Toward a unifying social cognitive theory of career and academic interest, choice, and performance. *Journal of Vocational Behavior, 45*(1), 79-122.
- McCowan, C., McKenzie, M., & Shah, M. (2017). *Introducing Career Education and Development: A guide for personnel in educational institutions in both developed and developing countries*. InHouse Publishing.
- Ministry of Education. (2009). *Career Education and Guidance in New Zealand Schools*. <https://nzcurriculum.tki.org.nz/content/download/2767/35051/file/Career-guidelines-web.pdf>
- Ministry of Education and Training – MOET. (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* [General education curriculum]. (issued along with Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-32-2018-TT-BGDĐT-Chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-403454.aspx>

- Ministry of Education and Training. (2018b). *Chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [Experiential Activities and Experiential Activities, Vocational Guidance Curriculum]*. (issued along with Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-32-2018-TT-BGDĐT-Chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-403454.aspx>
- Nguyen, N. M. T. (2021). Mô tả và xây dựng cấu trúc năng lực viết văn bản nghị luận của học sinh trung học phổ thông theo định hướng Chương trình môn Ngữ văn 2018 [Description and structure of writing competence for argumentative essays for high school students in line with Vietnamese Language Arts and Literature curriculum 2018]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(8), 1457-1469. <https://vjol.info.vn/index.php/sphcm/article/view/67365>
- Nguyen, T. N., Tran, T. X. Q., Nguyen, P. U., & Ta, T. T. (2022). Một số nghiên cứu về năng lực STEM trên thế giới và đề xuất khung năng lực stem cho học sinh phổ thông tại Việt Nam [An overview study on STEM competencies in the world and propose a STEM]. *Vietnam Journal of Education*, 22(10), 48-53. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/431>
- Nguyen, V. B. (2016). Đề xuất khung năng lực và định hướng dạy học môn Vật lí ở trường phổ thông [Competencies and physics teaching for development student's competencies]. *HNUE Journal of Science*, 61(8B), 11-22. <http://leo.hnue.edu.vn/portal/journals.php?articleid=4316>
- Patton, W., & McMahon, M. (2006). The Systems Theory Framework Of Career Development And Counseling: Connecting Theory And Practice. *International Journal for the Advancement of Counselling*, 28(2), 153-166. <https://doi.org/10.1007/s10447-005-9010-1>
- Pham, T. H., & Nguyen, T. H. (2023). Phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học môn Sinh học [Developing career-oriented competencies in high school students through biology teaching]. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 19(1), 44-50. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310108>
- Phoenix, H. (2011). *Mô hình lí thuyết Cây nghề nghiệp [A theoretical model of occupational tree]*. <https://huongnghiepsongan.com/cay-nghe-nghiep/>
- Prime Minister. (2018). Quyết định 522/QĐ-TTg về việc Phê duyệt đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” [Decision No. 522/QĐ-TTg approving the Project “Vocational Guidance Education and Student stream orientation in General Education for the period 2018-2025”]. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Quyết-dinh-522-QĐ-TTg-2018-Giao-duc-huong-nghiep-va-dinh-huong-phan-luong-hoc-sinh-pho-thong-382053.aspx>
- Thomsen, R. (2014). *A Nordic perspective on career competences and guidance – Career choices and career learning*. NVL & ELGPN concept note, Oslo: NVL.
- Vu, C. T. (2018). Đề xuất khung năng lực giáo dục hướng nghiệp cho giáo viên môn Công nghệ ở trường phổ thông [Proposes a competency framework of career guidance education for Technology teachers at high school]. *Vietnam Journal of Education*, 437, 43-49.
- VVOB Vietnam. (2013). *Giáo dục hướng nghiệp qua hoạt động giáo dục nghề phổ thông [Vocational Guidance Education through General Vocational Guidance Education Activities]*. VNU Publishing House.

**A PROPOSED FRAMEWORK OF CAREER-ORIENTED COMPETENCES
FOR LOWER SECONDARY SCHOOL STUDENTS****Mai Xuan Tan^{1*}, Nguyen Thanh Nga², Le Thanh Huy¹, Ta Thanh Trung²**¹The University of Danang, University of Science and Education, Vietnam²Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

*Corresponding author: Mai Xuan Tan – Email: maixuantan5294@gmail.com

Received: March 25, 2023; Revised: May 04, 2023; Accepted: June 04, 2023

ABSTRACT

Fostering career-oriented competence for lower secondary school students is important in the 2018 Vietnam General Education Curriculum. Based on the analysis of related theories in career education, the structure of competence and career orientation competence in some studies, psychological characteristics of lower secondary school students, and the requirements for career orientation competence in the 2018 Curriculum, this study proposes a framework of career-oriented competence for them. Competence consists of three components: self-awareness and self-influencing factors in career orientation; exploring the world of career; and making decisions and carrying out plans for career orientation. Each component consists of two elements, and each element has some behavioral indicators. In total, there are 6 elements and 30 behavioral indicators. The framework serves as a reference for developing assessment tools and proposing measures to develop this competence for lower secondary school students, ensuring the effectiveness of student streamlining after lower secondary schools.

Keywords: career-oriented education; career exploration; career orientation competence; student classification